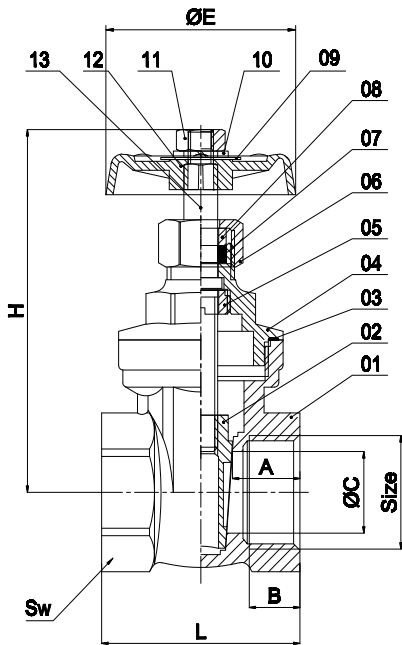


ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT | FEATURE

Tiêu chuẩn đường ren: BS 21 / ISO 228-1-2000
 Screws Standard: BS 21/ ISO 228-1-2000
 Áp suất làm việc: PN16 (Max. 16 Bar)
 Pressure Rating: PN16 (Max. 16 Bar)
 Nhiệt độ làm việc: Max 120°C
 Max. working temperature: 120°C
 Môi trường làm việc: Nước sạch
 Working Flow: Fresh Water

CHẤT LIỆU | MATERIAL

No.	BỘ PHẬN PARTS	CHẤT LIỆU MATERIAL
1	Thân van - Body	Đồng - Brass
2	Đĩa - Disc	Đồng - Brass
3	Gioăng thân - Gland packing	Teflon - PTFE
4	Nắp van - Bonnet	Đồng - Brass
5	Ốc đệm - Gland nut	Đồng - Brass
6	Ốc áp lực - Lock nut	Đồng - Brass
7	Gioăng trục - O-Ring	Teflon - PTFE
8	Vòng đệm - Glan Ring	Đồng - Brass
9	Đệm nhãn hiệu - Name plate	Nhôm - Aluminium
10	Đệm vênh - Spring washers	SuS 304 - Stainless steel
11	Đai ốc - Wheel nut	SuS 304 - Stainless steel
12	Tay van - Hand wheel	Gang - Cast iron
13	Trục van - Stem	Đồng - Brass



THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIMENSION

Cỡ van Valve size	inch mm	1/2 15	3/4 20	1 25	1.1/4 32	1.1/2 40	2 50
A (mm)		15	15	18	19	21.4	22.5
B (mm)		11	12	13	14.5	15	16
ØC (mm)		15	19.5	24.5	32	35	46
ØE (mm)		54	54	60	72	72	77
H (mm)		68	79	92	108	114	141
Sw (mm)		26	32	38	48	54	65
L		42	44	52	56	62	67.5

THÔNG TIN ĐẶT HÀNG | ORDER INFORMATION

RVH T - 0025 - 16 - B1

RVH: Van cửa đồng
Brass gate valve

T: Nối ren
Threated connection

B1: Chất liệu đồng thau
Brass material

16: Áp suất làm việc: 16 Bar
Pressure rate: 16 bar

Kích thước van - Valve size:
0025: DN25 0050: DN50